SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH
Số :182/TB-BV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 16 tháng 02 năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc mời chào giá các mặt hàng thuốc

Kính gửi: Các đơn vị/ nhà cung cấp.

Nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình đang có nhu cầu mua sắm các mặt hàng thuốc (Chi tiết hạng mục trong phụ lục I đính kèm).

Kính mời các đơn vị có khả năng cung cấp các mặt hàng này tham gia báo giá về Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình.

Hồ sơ chào giá gồm:

- Bảng báo giá (Theo mẫu phụ lục II đính kèm)

- Hồ sơ kê khai giá của sản phẩm, giấy tờ chứng minh tính hợp lệ của sản phẩm (bao gồm: Bảng phân loại, phiếu tiếp nhận, GPNK, TKHQ, giấy phép bán hàng…)

- Kết quả đã trúng thầu của sản phẩm (Trong vòng 9 tháng kể từ ngày trúng thầu đến thời điểm báo giá).

Hạn chót nộp thông tin: ngày 23/02/2023.

Hình thức nộp: Bản giấy + File mềm.

- Bản giấy: Gửi về Nguyễn Thị Duyên, Khoa Dược, địa chỉ: Số 530 Đường Lý Bôn, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, SĐT: 097.326.0105.

- File mềm: gửi vào email: *nhuduc298@gmail.com*.

Các đơn vị tham gia chào giá có thể liên hệ phòng Tài chính kế toán, điện thoại: (0227)-3843004 và Nguyễn Như Đức SĐT: 094.705.3028 (trong giờ hành chính) để tìm hiểu thêm thông tin.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình kính mời đại diện các đơn vị nộp bản báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận:
-Như trên;
-Lưu: VT,TCKT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TS.BSCKII. Lại Đức Trí

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

PHỤ LỤC I

(Kèm theo thông báo số 182/TB-BV ngày 16 tháng 02 năm 2023)

DANH MỤC THUỐC MUA SẮM

STT thuốc	STT hoạt chất	Hoạt chất	Tên biệt dược	Hàm lượng	Số đăng ký	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị
		1. THUỐC GÂY TÊ, GÂY MÊ, THUỐC GIÃN CƠ, GIẢI GIÃN CƠ							
		1.1. Thuốc gây tê, gây mê							
1	1	Atropinsulfat 0,25mg/1ml	ATROPIN SULFAT	0,25mg/ml	VD-24897-16	Hộp 100 ống	CTCPDP Vĩnh Phúc	Việt Nam	ống
2	2	Lidocain hydroclorid	Lidocain-BFS	40mg/ 2ml	VD-22027-14	Hộp 10 vỉ x 5 ống x 2ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống
3	3	Lidocain + Epinephrin	Medicain 2%	1 ml				Hàn Quốc	ống
4	4	Propofol	Troypofol	200mg/20ml	VN-16922-13	Hộp 1 lọ 20ml	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	Lọ
		2. THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT; CHỐNG VIÊM KHÔNG STEROID; THUỐC ĐIỀU TRỊ GÚT VÀ CÁC BỆNH XƯƠNG							
		2.1. Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid							
5	6	Celecoxib	Celofirm 200mg	200mg	VN-22088-19	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Ferrer Internacinal S.A	Spain	Viên
6	8	Etoricoxib	Roticox 60mg film-coated tablets	60mg	VN-21717-19	Hộp 3 vỉ x 10 viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên
7		Etoricoxib	CEFASS 90	90mg	VN-20997-18				
8		Etoricoxib	MEDICOX 60	60mg	VN-22056-19				
9	10	Ketorolac	Kevindol	30mg/ml	VN-22103-19	Hộp 3 ống	Esseti Farmaceutici S.r.l.	Italia	ống
10	14	Paracetamol	Hapacol 80	80mg	VD-20561-14 (CV gia hạn số 3202/QLD-ĐK)	h/24 gói	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Gói
11		Paracetamol	Partamol eff.	500mg	VD-24570-16	Hộp 4 vỉ xé x 4 viên	Stada - Việt Nam	Việt Nam	Viên
12		Paracetamol (acetaminophen)	Paracetamol macopharma	10mg/ml	VN-22244-19	1 thùng chứa 50 túi x 100ml	Carelide	Pháp	Túi
13		Paracetamol + tramadol	Paratramol 325mg + 37,5mg	325mg + 37,5mg	VN-18044-14	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Pharmaceutical Works Polpharma S.A	Poland	Viên
		2.2. Thuốc điều trị gút							
14	17	Allopurinol	MILURIT 300mg	300mg	VN-14161-11	H/1 lọ 30 viên	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	Viên
15		Allopurinol	Angut 300	300mg	VD-26593-17	Viên nén. H/10v*10v	DHG Pharma	Việt Nam	viên
16	19	Febuxostat	Uloxoric 80mg	80mg	QLĐB-688-18	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera	Việt Nam	Viên
		2.3. Thuốc chống thoái hóa khớp							
17	21	Glucosamin	Arthroloc 1500mg	1500mg	VN-20443-17	Hộp 30 gói	Rafarm S.A	Hy Lạp	Gói
18		Glucosamin	Glupain Forte	750mg	VN-19133-15	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Contract Manugacturing & Packaging Services Pty.Ltd	Úc	Viên

STT thuốc	STT hoạt chất	Hoạt chất	Tên biệt dược	Hàm lượng	Số đăng ký	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị
19		Glucosamin	Viartril-S 1500mg	1500mg	VN-21282-18	Hộp 30 gói	Rottapharm Ltd.	Ireland	Gói
20		Glucosamin	Arthroease	1500mg (1884mg)	VD-33756-19	Hộp 30 gói/ 3g	Coông ty CP LD DP Eloge France Việt nam	Việt Nam	Gói
21	22	Glucosamin,chiết xuất sụn cá mập,Cao đặc gừng,cao đặc hoàng bá	Reduze	500mg+10mg+40mg+ 10mg	VN-18433-14	Hộp 5 vỉ x 12 viên	Probiotec Pharma Pty., Ltd	Úc	Viên
		2.4. Thuốc khác							
22	23	Alendronat	Palibone 70mg	70mg	VN-17852-14	Hộp 1 vỉ x 4 viên	Allantic pharma	Portugal	Viên
23	24	Alendronic acid + Cholecalciferol	Dronatcalci Plus	70 mg + 2800UI		Hộp 1 vỉ x 4 viên		Việt Nam	Viên
24	25	Alpha chymotrypsin	AlphaDHG 4,2mg	21 microkatal	VD-20546-14	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy Dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	viên
25	26	Calcitonin	Rocalcic 50IU	50UI	VN-20345-17	Hộp 5 ống 1ml	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Đức	ống
		3. THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG VÀ DÙNG TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ MẪN							
26	31	Alimemazin	Alimemazin 45mg/90ml	45mg/90ml	VD-11577-10	Hộp 1 lọ 90 ml	Cty CPDP Hà Tây	Việt Nam	Lọ
27	33	Desloratadin	Tadaritin 5mg	5mg	VN-16644-13	Hộp 3 vỉ x 10 viên;	Laboratorios Lesvi, S.L	Tây Ban Nha	Viên
28	34	Diphenhydramin	Dimedrol	10mg/1ml	VD-24899-16	Hộp 100 ống x 1ml	CTCPDP Vĩnh Phúc	Việt Nam	ống
29	35	Ebastine	Etmine	10mg	VN-21591-18	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Kolmar Korea	Hàn Quốc	Viên
		4. THUỐC GIẢI ĐỘC VÀ CÁC THUỐC DÙNG TRONG TRƯỜNG HỢP NGỘ ĐỘC							
30		Glutathion	GLUTHION 1200mg	1200mg	VD- 23400-15	Hộp 10 lọ bột đông khô + 10 nước cất	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Việt Nam	Lọ
31		Glutathion	Vinluta 1200	1200mg	VD-29909-18	Hộp 1 lọ + 1 ống nước cất pha tiêm 10ml	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Lọ
32		Glutathion	Vinluta	600mg	VD-19988-13	hộp 1 lọ bột đông khô + 01 ống dung môi pha tiêm 10 ml	Công ty cổ phần dược phẩm vĩnh phúc	Việt Nam	Lọ
33		Glutathion	Glutathione Injection "Tai Yu"	600mg	VN-15511-12	Hộp 1 lọ + 1 ống nước cất 10ml; Hộp 10 lọ		Đài Loan	Lọ
34	40	Xanh methylen		10ml					Lọ
		5. THUỐC CHỐNG CO GIẬT, CHỐNG ĐỘNG KINH							
35	43	Gabapentin	Neuronstad 300mg	300mg	VD-26566-17	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm-Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên
36		Pregabalin	Ausvair 75	75mg	VD-30928-18	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Viên

STT thuốc	STT hoạt chất	Hoạt chất	Tên biệt dược	Hàm lượng	Số đăng ký	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị
37		Pregabalin 50mg	Pegaset 50	50mg		Hộp 4 vỉ x 7 viên, Viên nang cứng, uống	Aurobindo Pharma Limited	Ấn độ	Viên
		6. THUỐC ĐIỀU TRỊ KÝ SINH TRÙNG, CHỐNG NHIỄM KHUẨN							
		6.2. Chống nhiễm khuẩn							
		6.2.1. Thuốc nhóm beta-lactam							
38	49	Amoxicilin	Praverix 500mg	500mg	VN-16686-13	Hộp 100 vỉ x10 viên	S.C.Antibiotice SA	Romani	Viên
39		Amoxicilin	Moxacin	500mg	VD-14845-11 CV gia hạn số 16260/QLD-ĐK, ngày 18/9/	Hộp 10 vỉ, 20 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	Viên
40		Amoxicilin + acid clavulanic	Bilclamos 500mg + 125mg	500mg + 125mg	VN-17993-14	Hộp 2 vỉ x 5 viên	BilimIlac Sanayii Ve Ticaret A.S	Turkey	Viên
41		Amoxicilline + Acid clavulanic	Imefed 875mg/125mg	875 mg + 125 mg	VD-33452-19				
42	51	Amoxicillin + Sulbactam	Bactamox 1g	875 mg + 125 mg	VD-22897-15				
43		Amoxicilin + Sulbactam	Zelfamox 875/125 DT	875mg+ 125mg	VD-29863-18	Hộp 2 vỉ nhôm x 7 viên	CTCPDPTW 1-Pharbaco	Việt Nam	Viên
44	52	Cefaclor	Cefaclor Stada 500mg capsules	500mg	VD-26398-17	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty CP Pymepharco	Việt Nam	Viên
45	53	Cefadroxil	Droxicef 500mg	500mg	VD-23835-15	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty CP Pymepharco	Việt Nam	Viên
46	55	Cefamandol	Cefamandol 1g	1g	VD-31706-19	Hộp 10 lọ	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.	Việt Nam	Lọ
47	56	Cefepim		1g					Lọ
48	57	Cefixim	CEFIMED 200MG	200mg	VN-15536-12	Hộp/2 vỉ x 4 viên	Medochemie Ltd - Factory C	Cyprus	Viên
49		Cefixim	CEFIMED 400MG	400mg	VN-15524-10	Hộp 10 viên	Medochemie Ltd - Factory C	Cyprus	Viên
50	59	Cefpodoxim	Cefwin 200DT.	200mg	VD-27077-17	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương I - Pharbaco	Việt Nam	Viên
51		Cefpodoxim	Dipesalox	200mg	VD-35006-21	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	viên
52		Cefpodoxim	Treecom 200	200mg	VD-34446-20	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên
53	60	Ceftibuten	ARMTEN 200mg	200mg	VD-33239-19	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Chi nhánh Công ty cổ phần Armephaco – Xí nghiệp dược phẩm 150	Việt Nam	Viên

STT thuốc	STT hoạt chất	Hoạt chất	Tên biệt dược	Hàm lượng	Số đăng ký	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị
54		Ceftibuten	Rivka 200	200mg	VD-33482-19	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên
55		Ceftibuten	Rivka 400	400mg	VD-33483-19	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên
56	61	Ceftriaxon	Ceftriaxone EG 1g/10ml	1g	VD-26402-17	H/1 lọ bột pha tiêm + 1 ống dm 10ml nước cất- Tiêm	Công ty CP Pymepharco	Việt Nam	Lọ
57	63	meropenem	Merugold I.V	1g	VN-20690-17	Hộp 10 lọ	ACS Dobfar	italy	Lọ
58		Meropenem	Maxpenem injection 1g	1g	VN-19204-15	Hộp 10 lọ	JW Pharmaceutical Corporation	Hàn Quốc	Lọ
59	64	Piperacilin + tazobactam		4,5g					Lọ
		6.2.2. Thuốc nhóm aminoglycosid							
60	65	Gentamicin	Gentamicin 80mg	80mg/2ml	VD-25858-16	Hộp 10 ống x 2ml	Công ty CP dược VTYT Hải Dương	Việt Nam	Ống
		6.2.4. Thuốc nhóm nitroimidazol							
61	69	Metronidazol	Incepdazol 250 tablet	250mg	VN-18262-14	Vỉ 10 viên	Incepta Pharmaceuticals Limited	Bangladesh	Viên
62		Metronidazol	Trichopol	500mg/100ml	VN-18045-14 (CVGH số: 364e/QLD-ĐK ngày 03/02/2021)	Hộp 1 túi 100ml	Pharmaceutical Works Polpharma S.A	Ba Lan	Túi
63	70	Tinidazol		500mg					Viên
		6.2.5. Thuốc nhóm lincosamid							
64	71	Clindamycin	CLINDASTAD 150mg	150mg	VD-24560-16	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên Doanh Stella-Việt Nam, Việt Nam	Việt Nam	Viên
		6.2.6. Thuốc nhóm macrolid							
65	73	Clarithromycin	Clarithromycin Stella 500 mg	500mg	VD-26559-17	Hộp 2 vỉ, 4 vỉ x 10 viên	CN Cty TNHH Liên danh Stada - Việt Nam	Việt Nam	Viên
66	74	Tretinoin + erythromycin	Erylik 4% + 0,025%	4%; 0,025%	VN-10603-10	H/1 ống nhôm 30g	Laboratoires Chemineau	Pháp	Hộp
		6.2.7. Thuốc nhóm quinolon							
67	75	Ciprofloxacin	Bloci 750mg	750mg	VN-20916-18	Hộp 2 vỉ x 8 viên,	Bluepharma- Indústria Farmacêutica, S.A.	Portugal	Viên
68		Ciprofloxacin	Scanax 500mg	500mg	VD-22676-15	Hộp 2 vỉ x 10 viên	CN Cty TNHH Liên danh Stada - Việt Nam	Việt Nam	Viên
69		Levofloxacin	Nirdicin 500mg	500mg	VN-18716-15		Công ty CP DP ST.Andrews	Việt Nam	Viên
70		Levofloxacin	Keobton	500mg	VN-17974-14	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Arlico Pharm.Co.,Ltd	Korea	Viên

STT thuốc	STT hoạt chất	Hoạt chất	Tên biệt dược	Hàm lượng	Số đăng ký	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị
71		Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrate) 5mg/ml	Leflocin	5mg/ml	VN-19753-16	Hộp 1 lọ 150ml	Yuria-pharm Ltd.	Ukraine	Chai
72		Levofloxacin	Nirdicin 250mg	250 mg	VN-18715-15	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Pharmathen S.A	Hy Lạp	Viên
73		Moxifloxacin	Aupiflox 400mg/250ml	400mg/250ml	VD-26727-17	Hộp 1 túi 250ml	Công ty CPDP AmVi	Việt Nam	Túi
		6.2.8. Thuốc nhóm sulfamid							
74	80	Sulfasalazin		500mg					Viên
		6.2.9. Thuốc nhóm tetracyclin							
75	81	Doxycyclin		100 mg					Viên
76	82	Tetracyclin (Hydroclorid)	Tetracyclin 1%	1%-5g	VD-24846-16	Hộp 100 tube x 5 gam	Quảng Bình	Việt Nam	Tube
77		Tetracyclin hydroclorid		500mg					Viên
		6.2.10. Thuốc khác							
78	86	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydroclorid)	Vancomycin	500mg	VD-24905-16	Hộp 10 lọ	CTCPDP Vĩnh Phúc	Việt Nam	Lọ
79		Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydroclorid)	Vancomycin	1g	VD-31254-18	Hộp 10 lọ	CTCPDP Vĩnh Phúc	Việt Nam	Lọ
		6.3. Thuốc chống vi rút							
		6.3.3 Thuốc chống vi rút khác							
80	89	Acyclorvir 800mg	Bosviral	800mg	VN-20730-17	Hộp 6 vỉ x 10 Viên	Farmalabor Produtos Farmacêuticos, S.A (Fab.)	Bồ Đào Nha	viên
81		Acyclorvir 800mg	Acyclovir Stella 800mg	800mg	VD-23346-15	Hộp 7 vỉ x 5 viên, hộp 10 vỉ x 5 viên	Cty TNHH Liên doanh Stellapharm	Việt Nam	Viên
		6.4. Thuốc chống nấm							
82	91	Itraconazol	Spulit 100mg	100mg	VN-19599-16	Hộp 6 vỉ x 5 viên	S.C Slavia Pharm S.R.L	Romania	Viên
83	92	Ketoconazol	Nizoral cream 10g	2%	VN-21037-18	Hộp 1 tuýp 10g	Olic (Thailand) Limited	Thái Lan	Tuýp
		6.5. Thuốc điều trị bệnh do amip							
		7. THUỐC ĐIỀU TRỊ ĐAU NỬA ĐẦU							
84	95	Flunarizin	Sibelium 5mg	5mg	VN-15477-12	Hộp 5 vỉ x 20 viên nén	Janssen-Cilag S.p.A.	Ý	Viên
		8. THUỐC ĐIỀU TRỊ UNG THƯ VÀ ĐIỀU HÒA MIỄN DỊCH							
		8.1. Hóa chất							
85	96	Cisplatin		50mg					Lọ
86	98	Hydroxyurea		500mg					viên
87	100	Methotrexate		2.5mg					viên
88	101	Pemetrexed	Pexate 500	500mg	VN2-394-15	Hộp 1 lọ bột đông khô	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd	Ấn Độ	Lọ
89	102	Vincristin sulfat		1mg/1ml					Lọ
		8.2. Thuốc điều trị đích							
90	106	Bevacizumab	Avastin	100mg/4ml	VN-15050-12	Hộp 1 lọ 4ml	F.Hofmann-La Roche Ltđ	Đức	

STT thuốc	STT hoạt chất	Hoạt chất	Tên biệt dược	Hàm lượng	Số đăng ký	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị
		8.4. Thuốc điều hòa miễn dịch							
91	107	Azathioprin		50mg					Viên
92	108	Glycyl funtumin hydroclorid 0,3mg/ml	ASLEM	0,3mg/ml	VD - 32032 - 19	Hộp 1 vỉ x 10 ống	CTCPDP Vĩnh Phúc	Việt Nam	ống
93	109	Mycophenolat		500mg					Viên
94	110	Thalidomid		50mg					Viên
		8.5. Thuốc khác							
95	111	Pipobroman	Vercyte	25 mg					
		10. THUỐC CHỐNG PARKINSON							
96	119	Trihexyphenidyl hydroclorid	Danapha-Trihex 2mg	2mg	VD-26674-17	Hộp 5 vỉ x 20 viên.	Công ty CP Dược Danapha	Việt Nam	Viên
		11. THUỐC TÁC DỤNG ĐỐI VỚI MÁU							
		11.1. Thuốc chống thiếu máu							
97	120	Acid folic (vitamin B9)		5mg					Viên
98	124	Sắt sucrose (hay dextran)	FERROVIN 100mg/5ml	100mg/5ml	VN-18143-14	Hộp 1 vỉ x 5 ống x 5ml	Rafarm S.A, Thesi Pousi - Xatzi Agiou Louka, Paiania Attiki 19002, T.O. Box 37	Hy Lạp	ống
99		Sắt sulfat + Acid Folic	Enpovid Fe Folic	60mg + 0,25mg	VD-20049-13	Hộp 10 vỉ x 10 viên	SPM	Việt Nam	viên
		11.2. Thuốc tác dụng lên quá trình đông máu							
100	128	Vitamin K1 10mg/1ml	VINPHYTON 10MG	10mg/1ml	VD-28704-18	Hộp 5 vỉ x 10 ống	CTCPDP Vĩnh Phúc	Việt Nam	ống
101	129	Cilostazol		100mg					
		11.3. Máu và chế phẩm máu							
102	131	Albumin	Flexbumin 20%-50ml	20%-50ml	QLSP-0750-13	Hộp 1 túi nhựa GALAXY x 50ml	Baxter US Inc	Mỹ	Túi
103		Human albumin	Albuman	200g/l	QLSP-0631-13	Hộp 1 lọ 50ml	Sanquin Plasma Products B.V	Netherlands	Lọ
		11.5. Thuốc khác							
104	132	Deferipron	PAOLUCCI 500mg	500mg	VD-21063-14	Hộp/3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên
105	133	Erythropoietin	Hemax 2000 IU	2.000UI	VN-13619-11 (duy trì đến 26/12/2020)	Hộp 1 lọ bột đông khô + 1 ống dung môi, Bột pha tiêm, Tiêm	Bio Sidus S.A.	Argentina	Lọ
		12. THUỐC TIM MẠCH							
		12.1. Thuốc chống đau thắt ngực							
106	136	Nicorandil	Nicomen Tablets 5mg	5mg	VN-22197-19	Hộp 1 túi nhôm x 10 vỉ x 10 viên	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.	Đài Loan	Viên
107		Trimetazidin	Trimpol MR 35mg	35mg	VN-19729-16	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Polfarmex S.A	Poland	Viên
		12.2. Thuốc chống loạn nhịp							
108	139	Propranolol hydroclorid		40mg					Viên
		12.3. Thuốc điều trị tăng huyết áp							

STT thuốc	STT hoạt chất	Hoạt chất	Tên biệt dược	Hàm lượng	Số đăng ký	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị
109	141	Amlodipin + atorvastatin	Zoamco – A	5mg + 10mg	VD-14521-11	H/2vỉ/10 viên nén bao phim	Công ty CP Pymepharco	Việt Nam	Viên
110	153	Lercanidipin hydroclorid	Lercatop 10mg	10mg	VN-20717-17	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Balkanpharma - Dupnitsa AD	Bulgaria	viên
111	154	Lisinopril	Zestril Tab 5mg 28's	5mg	VN-17248-13		AstraZeneca UK Ltd.; Anh	Việt Nam	Viên
112	155	Losartan	Losar-Denk 100mg	100mg	VN-17418-13	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Denk Pharma GmbH & Co.KG	Đức	Viên
113		Losartan	Lostad T50	50mg	VD-20373-13	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada	Việt Nam	Viên
114	156	Losartan + Hydroclorothiazid	Pyzacar HCT 100/25mg	100mg + 25mg	VD-27317-17	, Hộp 03 vỉ x 10 viên, uống	Công ty CP Pymepharco	Việt Nam	Viên
115	157	Methyldopa	Dopegyt 250mg	250mg	VN-13124-11	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Viên
116	158	Metoprolol	Betaloc 50mg	50mg	VN-17245-13	Hộp 3 vỉ x 20 viên	AstraZeneca Pharmaceutical Co., Ltd	Trung Quốc	Viên
117		Metoprolol	Egilok	25mg	VN-15892-12	Hộp 1 lọ 60 viên	Egis Pharmaceuticals Public Ltd., Co	Hungary	Viên
118	160	Nicardipin hydroclorid	Vincardipin	10mg/10ml	VD-32033-19	Hộp 2 vỉ x 5 ống	CTCPDP Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống
119	161	Nifedipin	Nifedipin T20 retard	20mg	VD-24568-16	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên Doanh Stada	Việt Nam	Viên
120	165	Quinapril	Quinacar 5	5mg	VD-22613-15	H/7 vỉ/14 viên nén bao phim	Công ty CP Pymepharco	Việt Nam	Viên
121		Telmisartan 80mg; Hydrochlorothiazid 12,5mg	Safetelmi H	80mg, 12,5mg	VN-20818-17	Hộp 3 vỉ x 10 viên	MSN Laboratories Limited - India	India	Viên
		12.5. Thuốc điều trị suy tim							
122	169	Digoxin	Digoxin - Richter	0,25mg	VN-19155-15	Hộp 1 Lọ 50 viên	Gedeon Richter Plc.	Hungary	Viên
123		Digoxin	Digoxinequaly	0,25mg	VD-31550-19	Hộp 1 vỉ x 30 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2	Việt Nam	Viên
		12.6. Thuốc chống huyết khối							
124	173	Acenocoumarol 1mg	Vincerol 1mg	1mg	VD-28148-17	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CTCPDP Vĩnh Phúc	Việt Nam	Viên
125		Acenocoumarol 4mg	Vincerol 4mg	4mg	VD-24906-16	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CTCPDP Vĩnh Phúc	Việt Nam	Viên
126	174	Acetylsalicylic acid (DL-lysin-acetylsalicylat)	Aspirin Stella 81mg	81mg	VD-27517-17	Hộp 2 vỉ x 28 viên	Công ty TNHH liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên
		12.7. Thuốc hạ lipid máu							
127	181	Atorvastatin + Ezetimibe	EZENSTATIN	20mg + 10mg	VD-32783-19	HỘP 4 vỉ x 7 viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên

STT thuốc	STT hoạt chất	Hoạt chất	Tên biệt dược	Hàm lượng	Số đăng ký	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị
128	185	Pitavastatin	Pit-Stat Tablet 2mg	2mg	DG3-2-20	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp: CCL Pharmaceuticals Pvt Ltd; Cơ sở đóng gói cấp 2: Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Pakistan	Viên
129		Rosuvastatin	Roswera	10mg	VN-18750-15	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Krka, d.d., Novo Mesto	Slovenia	Viên
130		Rosuvastatin	CARDORITE-20	20mg	VN-21106-18				
131		Rosuvastatin	CARDORITE-10	10mg	VN-21105-18				
		12.8. Thuốc khác							
132		Nimodipin	Vinmotop	30mg	VD-21405-14 (CV gia hạn số 880e/QLD-ĐK ngày 14/02/2021)	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CTCPDP Vĩnh Phúc	Việt Nam	Viên
		16. THUỐC LỢI TIỂU							
133	190	Furosemid	Vinzix	20mg/2ml	VD-29913-18	Hộp 10 vỉ x 5 ống x2 ml	CTCPDP Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống
134		Furosemid	Vinzix	40mg	VD-28154-17	Hộp 5 vỉ x 50 viên	CTCPDP Vĩnh Phúc	Việt Nam	Viên
135	191	Furosemid + spironolacton	Savispirono-Plus 20mg + 50mg	20mg + 50mg	VD-21895-14	Viên nén bao phim. H/2v10v	Savipharm	Việt Nam	Viên
136		Furosemid + spironolacton	Spiromide 40	40mg + 50mg	VN-16905-13	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Searle Pakistan Limited	Pakistan	viên
137	192	Spironolacton	Aldactone 25mg	25mg	VN-16854-13	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Olic (Thailand) Ltd	Thái Lan	Viên
		17. THUỐC ĐƯỜNG TIÊU HÓA							
		17.1. Thuốc kháng acid và các thuốc chống loét khác tác dụng trên đường tiêu hóa							
138	194	Attapulgite + Aluminum hydroxide and magnesium	Gastropulgite 2,5g + 0,5g	2,5g + 0,5g	VN-17985-14	Hộp 30 gói	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Gói
139	195	Bismuth subsalicylat	ULCERSEP 262.5mg	262.5mg	VD-17511-12	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược Phẩm OPV	Việt Nam	Viên
140		Bismuth Subsalicylate	Amebismo	525mg/ 15ml	Hộp 1 chai 60ml	Chai	VD-26971-17	Công ty cổ phần dược phẩm OPV-Việt Nam	
141	196	clarithromycin+tinidazol+esomeprazol	E-xazol	500mg,500mg,20mg	VD-29278-18	Hộp 7 kít x 6 viên, Kít 6 viên	Công ty CP Dược Trung Ương Mediplantex	Việt Nam	Kít
142		Esomeprazole	ESOTRAX 40	40mg	VN-19701-16				
143		Esomeprazole magnesium dihydrate, clarithromycin, tinidazol	VESPRATAB KIT	500mg; 40mg; 500mg	VN-14732-12				
144	201	Nhôm oxyd + Magnesi Hydroxid	DOTIOCO	200mg + 400mg	VD-29604-18				
145	203	Nhôm oxid hydrat hóa + Magnesi hydroxyd + Nhôm phosphat hydrat + Gôm Guar	Moxydar	500mg + 500mg + 300mg + 200mg	VN-17950-14	Hộp/05 vỉ x 06 viên	Laboratories Grimberg SA	France	Viên

STT thuốc	STT hoạt chất	Hoạt chất	Tên biệt dược	Hàm lượng	Số đăng ký	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị
146	204	Omeprazol	Lomec 20mg	20mg	VN-20152-16	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Insdustria Quimica Y Farmaceutica VIR, S.A	Tây Ban Nha	Viên
147	207	Rabeprazol natri	Vinprazol	20mg	VD-25327-16	Hộp10 lọ x 5 ml	Công ty CP DP Vĩnh Phúc	Việt nam	Lọ
148	208	Sucralfat	Sucramed	1g/2,6g	VD-20625-14	Hộp 30 gói	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Gói
		17.2. Thuốc chống nôn							
149	211	Metoclopramid	PRIMPERAN 10mg	10mg	VN-18878-15	Hộp 2 vỉ x 20 viên	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Viên
		17.3. Thuốc chống co thắt							
150		Drotaverin	Drotavep 40mg tablets	40mg	VN-20665-17	Hộp 10 vỉ x 10 viên	ExtractumPharma Co. Ltd.	Hungary	Viên
		17.4. Thuốc tẩy, nhuận tràng							
151	215	Bisacodyl	BisacodylDHG	5mg	VD-21129-14	v/25 h/100 viên nén bao phim tan trong ruột; uống	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	viên
152	219	Moni natriphosphat + Dinatri phosphat	Oferen 45ml	(2,4g+0,9g)/5ml x 45ml	VN-17376-13	Hộp 1 lọ 45ml dung dịch uống	Unison Laboratories Co., Ltd.,	Thailand	Lọ
153		Monobasic Natri phosphat monohydrat 21,41g, Dibasic Natri phosphat heptahydrat 7,89g	Rectal-Enema	21,41g+7,89g					
154	220	Sorbitol	Sorbitol 5g	5g	VD-25582-16	Hộp 20 gói x 5g	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Gói
		17.5. Thuốc điều trị tiêu chảy							
155	222	Bacillus clausii 1x10^9-2x10^9 CFU	Enterobella	1x10^9-2x10^9 CFU	QLSP-0795-14 (GIA HẠN ĐẾN 22/07/2020)	Hộp 25 gói x 1g	Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekopharm	Việt Nam	Gói
156	223	Bacillus polyfermenticus; Các vitamin C, B1, B2, B6, Calci pantothenate	Virvic gran	33,34mg + 20mg + 4mg + 1,5mg + 3mg + 3mg	VN-15912-12	Hộp 1 lọ 50g cốm	Binex Co., Ltd	Korea	Lọ
157	225	Dioctahedral smectit	MACFOR	3000mg	VD-24062-16	Hộp 20 gói x 20 ml (gói giấy ghép nhôm)	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Gói
158	227	Loperamid	Loperamid	2mg	VD-30408-18	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên
		17.7. Thuốc khác							
159	232	Cao Cardus marianus, Thiamine nitrate, Pyridoxine HCl, Nicotinamide, Calci pantothenate, Cyanocobalamin	Livetin -EP	200mg,4mg,4mg,12mg ,8mg,1,2mg	VN-16217-13	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Pharm INC	Hàn Quốc	Viên
160		L-Ornithin - L- aspartat	Atihepam 500mg	500mg	VD-24736-16	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ x 10 viên	Công ty CPDP An Thiên	Việt Nam	Viên

STT thuốc	STT hoạt chất	Hoạt chất	Tên biệt dược	Hàm lượng	Số đăng ký	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị
161		L-Ornithin - L- aspartat	Livethine 5g/10ml	5g/10ml	VD-33730-19	Hộp 10 ống x 10ml	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Ống
162		L-Ornithin - L- aspartat	Tphgold	3g/4g	VD-32312-19	Hộp 20 gói x 4g	Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông - (TNHH)	Việt Nam	Gói
163	240	Silymarin	Livermarin 140	140mg	VD-34044-20	Hộp 3 vỉ x10 viên	BRV Healthcare	Việt Nam	Viên
164		Silymarin	Livosil 140mg	140mg	VN-18215-14	Hộp 8 vỉ x15 viên	UAB "Aconitum"	Litva	Viên
165		Silymarin	Hergamin DHT 140mg	140mg	VD-31687-19	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	viên
166	243	Ursodeoxycholic acid	Hueso Tab	300mg	VN-20159-16	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Korea Arlico Pharm. Co., Ltd.	Hàn Quốc	Viên
		18. HOCMON VÀ CÁC THUỐC TÁC ĐỘNG VÀO HỆ THỐNG NỘI TIẾT							
		18.1. Hocmon thượng thận và những chất tổng hợp thay thế							
167	250	Bethamethason	Dispropan	5 + 2 mg/ 1ml		Hộp 1 ống	Merck Sarp & Dohme	Bỉ	Ống
168	251	Dexamethasone phosphate (dưới dạng Dexamethason natri phosphate) 4mg/1ml	Dexamethasone	4mg/1ml	VD-27152-17	Hộp 10 ống	CTCPDP Vĩnh Phúc	Việt Nam	ống
169	253	Hydrocortison		10mg					Viên
170		Methyl prednisolon	Menison 4mg	4mg	VD-23842-15	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Công ty CP Pymepharco	Việt Nam	Viên
171		Methyl prednisolon	Vinsolon	40mg	VD-19515-13 (CV gia hạn số 849e/QDL-DKD ngày 09/02/2021)	Hộp 10 lọ + 10 ống dung môi	CTCPDP Vĩnh Phúc	Việt Nam	Lọ
		18.3. Insulin và nhóm thuốc hạ đường huyết							
172	261	Insulin người trộn, hỗn hợp	Wosulin 30/70	40UI/ml; Lọ 10ml	SP3-1224-21	Hộp 01 lọ x 10ml	Wockhardt Ltd	Ấn Độ	Lọ
173	262	Insulin người tác dụng nhanh, ngắn	Wosulin R 40UI/ml	40UI/ml	VN -13426-11 (có CV gia hạn)	Hộp 01 lọ x 10ml	Wockhardt Ltd	Ấn Độ	Lọ
174	263	Insulin người tác dụng trung bình, trung gian	Wosulin N 40UI/ml	40UI/ml	VN-13425-11	Hộp 01 lọ x 10ml	Wockhardt Ltd	Ấn Độ	Lọ
175	264	Insulin glargin.	Lantus Solostar 100IU/ml	1000IU		Hộp 5 bút tiêm			bút tiêm
176	265	insulin aspart	Novorapid Flexpen 100 U/ml	1000IU		Hộp 5 bút tiêm			bút tiêm
177	268	Liraglutide	Vintoza	18mg		bút tiêm			bút tiêm
		18.4. Hocmon tuyến giáp, cận giáp và thuốc kháng giáp trạng tổng hợp							
178		Levothyroxin (muối natri)	Berlthyrox 100mcg	100mcg	VN-10763-10	Hộp/4 vỉ x25 viên	Berlin Chemie AG	Đức	Viên
179		Levothyroxin (muối natri)	Levothyrox Tab 100mcg 3x10's	100mcg					
180	275	Propylthiouracil	PTU	50 mg		Viên			Viên
		19. HUYẾT THANH VÀ GLOBULIN MIỄN DỊCH							

STT thuốc	STT hoạt chất	Hoạt chất	Tên biệt dược	Hàm lượng	Số đăng ký	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị
181	277	Huyết thanh kháng uốn ván	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)	1500UI	QLSP-1037-17	Hộp 20 ống x 1500đvqt	Viện Vắc xin và SPYT (IVAC)	Việt Nam	Ống
182		Thymomodulin	ETEXBENKIS CAPSULE	80mg	QLSP-1154-19				
		20. THUỐC LÀM MỀM CƠ VÀ ỨC CHẾ CHOLINESTERASE							
183	280	Eperison	Myonal Tab. 50mg	50mg	VN-19072-15	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	Nhật	Viên
		21. THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH MẮT, TAI MŨI HỌNG							
		21.1. Thuốc điều trị bệnh mắt							
184	282	Cyclosporin		25mg					Viên
185		Cyclosporin		100mg					Viên
186	283	Natri hyaluronate	Alsavin One 2%	48 mg/2.4 ml		Hộp 1 ống xi lanh 2,4 ml, tiêm	Alsanza Medizintechnik und Pharma	Đức	Ống
187		Natri hyaluronate	Alsavin 1%	20 mg/2 ml		Hộp 1 ống xi lanh 2ml, tiêm	Alsanza Medizintechnik und Pharma	Đức	Ống
188		Natri hyaluronate	Chất làm đầy bôi chơn khớp (dạng tiêm) Healavis clasic 1%	10 mg /ml Hyaluronate, natri Hyalurpnate 1%	14458NK/BYT-TB-CT	hộp 1ống x 2ml	Aptissen S.A	Thụy sỹ	Viên
		24. THUỐC CHỐNG RỐI LOẠN TÂM THẦN VÀ THUỐC TÁC ĐỘNG LÊN HỆ THẦN KINH							
		24.1. Thuốc an thần							
189	288	Rotundin		30mg					Viên
		24.3. Thuốc chống rối loạn tâm thần							
190		Acid Thioctic	Bivantox inf	600mg/20ml	VD-25285-16	Hộp 5 lọ x 20ml	Công ty CP Dược phẩm Trung Ương I - Pharbaco	Việt Nam	Lọ
191	291	Haloperidol		1,5mg					Viên
192	292	Olanzapin		10mg					Viên
		24.4. Thuốc chống trầm cảm							
193	294	Amitriptylin HCl	Amitriptylin 25mg	25mg	VD-31039-18	Hộp 1 lọ x 100 viên	Công ty CP Dược Danapha - Việt Nam	Việt Nam	viên
		24.5 Thuốc tác động lên hệ thần kinh							
194	295	Acetyl – DL –Leucin	VINTANIL	500mg/5ml	VD-20275-13	Hộp 10 vỉ x 5 ống	CTCPDP Vĩnh Phúc	Việt Nam	ống
195		Citicolin	Vincolin	500mg	VD-23090-15	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Viên
196	297	Choline alfoscerat	Dicenin 400mg	400mg	VD-19524-13	Hộp 1 vỉ x 14 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược TW Mediplantex	Việt Nam	Viên
197	298	Epalrestat	Epalrest 50mg	50mg	QLĐB-678-18	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Việt Nam	Viên
198	299	Galantamin	Nivalin	5mg/ml	VN-17334-13	Hộp 10 ống 1ml	Sopharma AD	Bulgaria	Ống

STT thuốc	STT hoạt chất	Hoạt chất	Tên biệt dược	Hàm lượng	Số đăng ký	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị
199		Galantamin	Galremin 8mg	8mg	VD-32193-19	H/1 vỉ/14 viên nén bao phim	Công ty CP Pymepharco	Việt Nam	Viên
200		Galantamin	Nivalin	2,5mg/ml					
201		Piracetam	Meyernife SR	1000 mg	VD-34038-20	Hộp 20 ống x 10ml	Công ty liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	ống
		25. THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG HÔ HẤP							
		25.1. Thuốc chữa hen và bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính							
202		Salbutamol	Breezol	2mg/5ml	VN - 22939-21				
203	314	Theophylin	Theostat L.P 100mg	100mg	VN-14339-11 (Có CV gia hạn số 15610/QLD-ĐK ngày 12/09/2019)	Hộp chứa 30 viên nén bao phim đóng vỉ (PVC-Aluminium)	Pierre Fabre Medicament production	Pháp	Viên
		25.2. Thuốc chữa ho							
204	315	Ambroxol	LOBONXOL 30mg	30mg	VN-16707-13	Hộp 2 vỉ x 10 viên	S.C. Laropharm S.R.L	Romania	Viên
205		Ambroxol	PD - Ambroxol 30	30mg	VD-32309-19	Hộp 20 ống x ống 10ml	Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông	Việt Nam	ống
206	316	Bromhexin hydroclorid	Bisolvon Tab. 8mg	8mg	VN-15737-12	Hộp 3 vỉ x 10 viên	PT. Boehringer Ingelheim Indonesia	Indonesia	viên
		26. DUNG DỊCH ĐIỀU CHỈNH NƯỚC, ĐIỆN GIẢI, CÂN BẰNG ACID-BASE VÀ CÁC DUNG DỊCH TIÊM TRUYỀN KHÁC							
		26.1. Thuốc uống							
207		Kali clorid	Kali clorid 10 %	500mg/5ml	VD-25325-16	hộp 10 vỉ x 5 ống	CTCPDP Vĩnh Phúc	Việt Nam	ống
208	320	Natri clorid + Natri citrat dihydrat + Kali clorid + Glucose khan	Oresol 245	520mg + 580mg + 300mg + 2,7g	VD-22037-14	Hộp 20 gói	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	gói
		26.2. Thuốc tiêm truyền							
209		Acid amin + glucose + lipid (*)	MG-TAN Inj 480ml	(Acid Amin 11,3%+Glucose 11%+Lipid 20%)/480 ml	VN-14825-12	Hộp 1 túi 480ml	MG CO,Ltd	Hàn Quốc	Túi
210		Acid amin + glucose + lipid (*)	Mgtan 360	360 ml	VN-21332-18	Thùng 10 túi	MG CO,Ltd	Korea	Túi
211		Acid amin + glucose + lipid (*)	Mgtan 1680	1680 ml	VN-21331-18	Hộp 1 túi 1680ml	MG CO,Ltd	Korea	Túi
212		Acid amin + glucose + lipid (*)	Mgtan 1920	1920 ml	VN-21333-18	Hộp 1 túi 1920ml	MG CO,Ltd	Korea	Túi
213	324	Glucose	Glucose 10% 500ml	10%/500ml	VD-30055-18	Thùng 10 chai	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Việt Nam	Chai
214	328	lipofundin MCT/LCT 20%		250ml			Moxydar		
		27. KHOÁNG CHẤT VÀ VITAMIN							

STT thuốc	STT hoạt chất	Hoạt chất	Tên biệt dược	Hàm lượng	Số đăng ký	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị
215	329	Các acid amin, các vitamin	Casmorin	9,2mg + 9,15mg + 5mg + 5mg + 5mg + 5mg + 25mg + 1000IU + 100IU + 5mg + 2,5mg + 1,5mg + 10mg +5mg + 2,5mg + 0,5mcg + 100mcg + 25mg	VN-15940-12	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Korea Prime Pharm. Co., Ltd	Hàn Quốc	Viên
216	331	Calci citra t+ vitamin D	Dicarbo Tablet 750mg+400IU	750mg, 400 IU	VN-17560-13	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Kolmar Korea	Hàn Quốc	Viên
217	332	Calci gluconat hydrat 240mg; Calci carbonat 240mg; Calci lactat 271,8mg; Ergocalciferol 0,118mg	Sis-bone	240mg, 240mg, 271,8mg, 0,118mg	VN-20208-16	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Korea Prime Pharm. Co., Ltd	Hàn quốc	viên
218	336	Selen, Crom, Acid ascorbic	BISUFAT 25mcg+50mcg+50mg	25mcg+50mcg+50mg	VD-22703-15	Hộp 20 vỉ x 5 viên	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	Viên
219	337	Sildenafil	Lovegra-50mg	50mg	VD-5976-08	Hộp 1 vỉ x 4 viên	CTCPDPTW1-Pharbaco	Việt Nam	Viên
220		Vitamin B1 + B6 + B12	Trineuron	50mg + 250mg + 250mcg	VD-24454-16	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty CP Pymepharco	Việt Nam	Viên
221	340	Vitamin B1 (Thiamin HCL)	Vitamin B1	100mg/1ml	VD-25834-16	Hộp 100 ống x 1 ml	CTCPDP Vĩnh Phúc	Việt Nam	ống
222	342	Vitamin C		500mg					Viên
223	343	Vitamin E, Vitamin C, β caroten, Kẽm oxid, Đồng oxid, Selen, Mangan sulfat	Maecran	200 mg + 250 mg + 10 mg + 9,337mg + 1,252mg + 15mg + 4,613 mg	VN-15250-12	Hộp 12 vỉ x 5 viên	BRN science Co., Ltd	Hàn Quốc	Viên
		THUỐC TỪ DƯỢC LIỆU							
224	350	Cao Khô quả Silybum marianum	Legalon	140 mg	VN-4405-07 (công văn gia hạn số 21773/QLD -ĐK ngày 30/12/2019	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Madaus Gmbh	Đức	Viên
225	353	Dầu cá tinh luyện	Brainrish	233,77mg+1,75mg	VD-14051-11	hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	Viên
		THUỐC KHÁC							
226	355	Acid alpha lipoic	Vidpoic 600	600mg	VD-26798-17	Hộp 1 túi x 3 vỉ x 10 viên	Công ty CP DP Gia Nguyễn	Việt Nam	Viên
227		Alpha lipoic acid	Bivantox 200	200mg	VD3-55-20	hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương I - Pharbaco	Việt Nam	Viên

STT thuốc	STT hoạt chất	Hoạt chất	Tên biệt dược	Hàm lượng	Số đăng ký	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị
228		Alpha lipoic acid	Bivantox 300 tab.	300 mg	VD-29158-18	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco.	Việt Nam	Viên
229	360	Rifaximin	Refix	550mg	VN3-264-20	Hộp 3 vỉ x10 viên	Atra Pharmaceuticals Limited	Ấn độ	Viên
230	361	Calci polystyren sulfonat	Kalimate	5g					Gói
231	362	Collagen thủy phân trọng lượng phân tử thấp	Chất làm đầy, bôi trơn khớp Arthrys 5, 0.5 ml	5mg/ml, 0,5ml	19036NK/BYT-TB-CT	Hộp 1 ống tiêm đóng sẵn, 0,5ml	Tiss'You S.r.l	San Marino	Ống tiêm
232		Collagen thủy phân trọng lượng phân tử thấp	chất làm đầy, bôi trơn khớp Arthrys 5, 1 ml	5mg/ml, 1ml	19036NK/BYT-TB-CT	Hộp 1 ống tiêm đóng sẵn, 1ml	Tiss'You S.r.l	San Marino	Ống tiêm
233	363	Hyaluronic acid	Regenflex Bio Plus	75 mg/3ml		Hộp 1 ống Xi lanh 3ml, tiêm	Pegennyal Lab	Italy	Ống tiêm
234		Hyaluronic acid	Regenflex Stater	32 mg/2ml		Hộp 1 ống Xi lanh 2ml, tiêm	Pegennyal Lab	Italy	Ống tiêm
235	364	Hyaluronic Acid Sobitol	Chất làm đầy bôi chơn khớp (dạng tiêm) SynolíVA 40/80	40 mg Hyaluronic Acid 80 mg Sobitol , 2 % Natri hyaluronate	14458NK/BYT-TB-CT	hộp 1ống x 2ml	Aptissen S.A	Thụy sỹ	Viên
236		Hyaluronic Acid Sobitol	Chất làm đầy bôi chơn khớp (dạng tiêm) SynolíVA 80/160	41 mg Hyaluronic Acid 80 mg Sobitol , 2 % Natri hyaluronate	14458NK/BYT-TB-CT	hộp 1ống x 4ml	Aptissen S.A	Thụy sỹ	Viên
237	365	Cyclo-taurolidine + Citrate + Heparin + Sodium hydroxide	Taurolock	10 ml		Lọ 10 ml	TauroPham GmbH	Đức	lo
238	366	Sevelamer Hydroclorid	Sevla	800 mg		vỉ 10 viên		Ấn độ	viên

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH THÁI BÌNH

PHỤ LỤC II

(Kèm theo thông báo số 182 /TB-BV ngày 16 tháng 02 năm 2023)

Công ty……

Địa chỉ: ……

Tel: …… Mobile: ……

Website:……Email: ……..

BẢNG BÁO GIÁ

Công ty …… trân trọng gửi Quý khách hàng "Bảng báo giá" thuốc như sau:

Số TT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Quy cách	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (có VAT)	Nhóm thuốc	Giá đã trúng thầu trong vòng 9 tháng kể từ ngày trúng thầu đến thời điểm báo giá	Số quyết định trúng thầu	Nơi trúng thầu	Hiệu lực giá trúng thầu
1														
2														
…														
n														

Chú thích:

- *Báo giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển và thuế VAT*
- *Hàng mới 100% đóng gói theo tiêu chuẩn nhà sản xuất*
- *Báo giá có giá trị trong vòng 90 ngày kể từ ngày báo giá*

Trân trọng cảm ơn và mong nhận được sự hợp tác từ Qúy khách hàng

……, Ngày….tháng….năm…..

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)